

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 01 N 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 307/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 N 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

– *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T.** Trụ sở: số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hoà, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch Diễm. Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Diệp Lâm Kỳ Phương. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - chi nhánh tỉnh Bạc L (theo văn bản uỷ quyền số 1184/2025/QĐ-PC ngày 15/4/2025). Ông Diệp Lâm Kỳ Phương uỷ quyền cho bà Ký Thị Kiều Xuyên. Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T - chi nhánh tỉnh Bạc L (theo văn bản uỷ quyền số 605/2025/GUQ-CNBL ngày 17/10/2025).

- *Bị đơn:* Ông **Hồng Văn V**, sinh N 1982 và bà **Nguyễn Thị Bé N**, sinh N 1981; Cùng địa chỉ: Số 01, đường Trần Văn Ôn, Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L (nay là Khóm 1, phường Bạc L, tỉnh Cà M).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Bé N, ông Hồng Văn V cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T tổng số tiền tính đến hết ngày 26/01/2026 là 409.456.041 đồng (*Bốn trăm lẻ chín triệu, bốn trăm N mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: nợ gốc là 382.484.986 đồng (*Ba trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng*), lãi trong hạn: 15.216.307 đồng (*Mười lăm triệu, hai trăm mười sáu nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng*), lãi quá hạn: 11.754.748 đồng (*Mười một triệu, bảy trăm N mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng*).

2.2. Kể từ ngày 27/01/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Bé N, ông Hồng Văn V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Bé N, ông Hồng Văn V không thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại CERATO 2.0 AT, màu trắng, số máy G4NAMH152824, số khung RNYBD42A6MC225330, biển kiểm soát 94A – 066.20, do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Bạc L cấp giấy chứng nhận đăng ký mô tô số 94 001321, ngày 01/10/2021 cho bà Nguyễn Thị Bé N, sinh N 1981. (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 6 – Cà M, tỉnh Cà M).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé N, ông Hồng Văn V tự nguyện nộp **10.189.121** đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 9.591.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003534 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà M.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Bà Nguyễn Thị Bé N, ông Hồng Văn V phải chịu là 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị Bé N, ông Hồng Văn V có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng số tiền là 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Công Bằng